TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 06-4-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Huế Tr, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 369/7, ấp 7, xã Ph, huyện C, tỉnh L, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Hữu H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 316/7, ấp 7, xã Ph, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Huế Tr trình bày:

Vào ngày 24/11/2021, bà có cho ông Đỗ Hữu H vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay để giải quyết việc gia đình, không có thỏa thuận lãi suất vay, thời hạn vay hai tháng. Tuy nhiên đến hạn trả nợ theo thỏa thuận mà ông H không thanh toán cho bà nên vào ngày 16/9/2022 ông H có ký tên vào giấy mượn tiền và hẹn tiếp thêm 02 tháng trả. Nay đã quá hạn trả theo thỏa thuận mà

ông H không thanh toán tiền vốn vay cho bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Hữu H trả số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Đỗ Hữu H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị Huế Tr có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đỗ Hữu H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đỗ Hữu H cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Đỗ Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Đặng Thị Huế Tr yêu cầu ông Đỗ Hữu H phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được giấy mượn tiền đề ngày 16/9/2022 có nội dung: *"... tôi tên Đỗ Hữu H ...tôi có mượn của bà Đặng Thị Huế Tr...số tiền là 60.000.000..."* có chữ ký tên và chữ viết họ tên Đỗ Hữu H tại vị trí người mượn tiền.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập ông H tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông H đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc ông H đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào giấy mượn tiền bà Tr cung cấp có đủ cơ sở xác định: Bà Tr có cho ông H vay số tiền 60.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 02 tháng, không có thỏa thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi và có kỳ hạn.

[3]. Nguyên đơn yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr buộc ông H phải thanh toán cho bà Tr số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng. Ông H còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Huế Tr được chấp nhận nên ông Đỗ Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng). Bà Đặng Thị Huế Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đặng Thị Huế Tr đối với ông Đỗ Hữu H.

Buộc ông Đỗ Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị Huế Tr số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Đỗ Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.000.000 (*ba triệu*) đồng.

Bà Đặng Thị Huế Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Tr được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008239 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy